

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 360/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2- Bà Phan Thị Dòn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái -Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Băng T**, sinh năm: 1973;

Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: 73/9A Phường X, quận T, Thành phố H;

Địa chỉ tạm trú: Nhà không số, tổ 7 ấp 1A xã V, huyện B, Thành phố H.

2. ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm: 1971;

Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: 73/9A Phường X, quận T, Thành phố H;

Địa chỉ tạm trú: Nhà không số, tổ 7 ấp 1A xã V, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Băng T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành L chung sống với nhau do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố H vào ngày 06/01/1997. Thời gian đầu bà và ông L chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, ông L bạo lực gia đình, thường xuyên đập phá đồ đạc trong nhà và nhiều lần dùng dao uy hiếp bà khiến bà và các con rất hoang mang, luôn sống trong tâm trạng lo lắng, sợ hãi. Bà đã cố gắng để giữ gìn hạnh phúc gia đình cho các con nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn được. Bà cho ông L rất nhiều cơ hội nhưng ông L không thay đổi, càng ngày cuộc sống của bà càng bị áp lực. Nay bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông L để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Nhật T (sinh ngày 08/02/2002, đã trưởng thành), trẻ Nguyễn Nhật Thiên Th (sinh ngày 29/01/2011) và trẻ Nguyễn Linh Dạ Th (sinh ngày 24/10/2014). Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Nhật Thiên Th và trẻ Nguyễn Linh Dạ Th, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/trẻ. Còn Nguyễn Nhật T đã trưởng thành muốn sống với ai thì tùy ý.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Băng T chung sống với nhau vào năm 1997, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T thường hay đi làm về muộn, nhưng không báo cho ông biết dẫn đến vợ chồng xích mích với nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì vợ chồng đã lớn tuổi, muốn con có cuộc sống đầy đủ cha mẹ, ông không muốn ly hôn với bà T.

Ông muốn bà T tha thứ vì có những lúc ông say xỉn, đầu óc suy nghĩ lung tung nên hành xử không đúng với vợ, ông mong bà T suy nghĩ để vợ chồng hàn gắn cùng nhau lo tương lai cho các con.

Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Nhật T (sinh ngày 08/02/2002), trẻ Nguyễn Nhật Thiên Th (sinh ngày 29/01/2011) và trẻ Nguyễn Linh Dạ Th (sinh ngày 20/10/2014). Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông nuôi các con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau:

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Băng T. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Nhật Thiên Th (sinh ngày 29/01/2011) cho ông Nguyễn Thành L nuôi dưỡng, giao trẻ Nguyễn Linh Dạ Th (sinh ngày 20/10/2014) cho bà Nguyễn Thị Băng T nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Băng T và ông Nguyễn Thành L. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Băng T chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Băng T và ông Nguyễn Thành L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố H vào ngày 06/01/1997. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông L. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện B, Thành phố H nên căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 1/1997-TH, quyển số 01 ngày 06/01/1997 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố H thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Tại Công văn số 980/UBND ngày 18/3/2022 Ủy ban nhân dân xã V cho biết bà T và ông L không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân.

Tại phiên tòa, bà T và ông L thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Tuy sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, mạnh ai nấy sống, mỗi lần nói chuyện thì gây gỗ, cự cãi, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không có sự yêu thương chăm sóc nhau. Ông L thường xuyên bạo lực gia đình, sau mỗi lần uống rượu về nhà có những lời nói xúc phạm nghiêm trọng đối với bà T, hay ghen tuông vô cớ khiến gia đình không còn êm ấm.

Bà T xác định không còn thương yêu ông L, không muốn các con hàng ngày phải chứng kiến cảnh bà và ông L gây gổ, ảnh hưởng đến tâm lý và việc học của con. Bà muốn ly hôn để ổn định cuộc sống, có tinh thần lo cho con. Trường hợp Tòa án không cho bà ly hôn thì bà vẫn cương quyết không đoàn tụ với ông L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để bà T và ông L hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhiều lần động viên, hòa giải nhưng bà T cương quyết ly hôn, không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ, ông L không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn với bà Tâm. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà Tâm là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

Tại phiên tòa, bà T và ông L thừa nhận hiện nay 03 con chung gồm anh Nguyễn Nhật T (sinh ngày 08/02/2002, đã trưởng thành), trẻ Nguyễn Nhật Thiên Th (sinh ngày 29/01/2011) và trẻ Nguyễn Linh Dạ Th (sinh ngày 20/10/2014) đang được bà T và ông L chăm sóc, nuôi dưỡng và cùng sinh sống tại tổ 7 ấp 1A xã V, huyện B, Thành phố H.

Xét thấy trẻ Th và Th là nữ, đang trong giai đoạn hoàn thiện về mặt tâm sinh lý để phát triển về mọi mặt, cần sự chăm sóc, gần gũi, yêu thương, chia sẻ, dạy dỗ nhiều từ mẹ, các trẻ đã quen sống chung với nhau. Quá trình tố tụng, ông L cũng thừa nhận thường xuyên say rượu, bạo lực gia đình, dùng dao uy hiếp bà T, có những hành động, lời nói vượt quá tầm kiểm soát của bản thân, cư xử không đúng mực với vợ con. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Th cho ông L chăm sóc, nuôi dưỡng là chưa phù hợp. Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc phải xem xét toàn diện vào hoàn cảnh thực tế, khả năng, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung về mọi mặt của bà T và ông L và căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nhằm đảm bảo được quyền và lợi ích của trẻ em nhằm phát triển lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ, Hội đồng xét xử sẽ giao các trẻ Th và Th cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông

L có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết ông Long có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T và ông L xác định tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T và ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T và ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Băng T đối với ông Nguyễn Thành L.

Bà Nguyễn Thị Băng T được ly hôn với ông Nguyễn Thành L. Giấy chứng nhận kết hôn số 1/1997-TH, quyển số 01 ngày 06/01/1997 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Nhật Thiên Th (sinh ngày 29/01/2011) và trẻ Nguyễn Linh Dạ Th (sinh ngày 20/10/2014) cho bà Nguyễn Thị Băng T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Băng T không yêu cầu ông Nguyễn L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông L có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Băng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0040350 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu

